

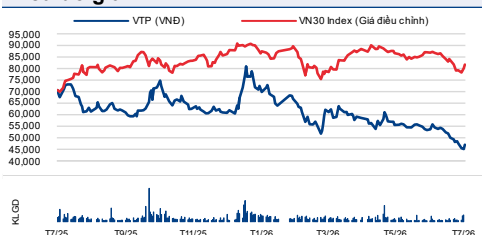
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ63,224
Tiềm năng tăng/giảm: 34.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2026)	47,000
Mã Bloomberg	VTP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	44,800-80,795
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	45,613
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,539
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	363
Slg CP lưu hành (tr.đv)	203
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	84.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	76.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.57%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	TĐ Viettel (60.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	20,847	23,083	25,343
EBITDA đc (tỷ đồng)	581	689	863
LNTT (tỷ đồng)	514	511	619
LNT ĐC (tỷ đồng)	303	304	368
FCF (tỷ đồng)	228	52.0	(99.3)
EPS ĐC (đồng)	2,122	2,125	2,573
DPS (đồng)	1,278	1,278	1,704
BVPS (đồng)	12,372	11,451	11,559
T.trưởng EBITDA (%)	28.9	18.7	25.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.70	0.02	21.1
Tăng trưởng DPS (%)	38.8	0	33.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.79	2.99	3.40
Tỷ suất LNTT (%)	2.47	2.21	2.44
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.94	1.75	1.93
Tỷ lệ LN trả CT (%)	45.1	45.1	49.7
Nợ thuần/VCSH (%)	86.6	58.1	80.2
ROAE (%)	24.1	19.8	21.0
ROACE (%)	24.8	19.3	20.6
EV/doanh thu (lần)	0.39	0.47	0.45
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.2	15.8	13.2
P/E ĐC (lần)	22.1	22.1	18.3
P/B (lần)	3.80	4.10	4.07
Lợi suất cổ tức (%)	2.72	2.72	3.63

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VTP là doanh nghiệp chuyển phát đứng thứ hai về doanh thu tại Vietnam và đang chuyển mình thành doanh nghiệp logistics. VTP là thành viên của Tập đoàn Viettel - tập đoàn viễn thông lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Lợi nhuận thuần giảm 25% svck, sát với dự báo

- KQKD Q2/2026 sát dự báo, với doanh thu thuần 5,5 nghìn tỷ đồng (+10% svck; +15% svqt) và lợi nhuận thuần 73 tỷ đồng (-25% svck; +87% svqt). Lợi nhuận thuần tiếp tục chịu áp lực từ giá dầu diesel tăng cao.
- Lũy kế nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 10,2 nghìn tỷ đồng (+2% svck) và 112 tỷ đồng, hoàn thành 44% và 28% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.
- Chúng tôi nhận thấy rủi ro lợi nhuận và định giá thấp hơn dự báo cho nửa cuối năm 2026 do giá dầu diesel neo ở mức cao, dù có sự điều chỉnh trong thời gian gần đây, bắt nguồn từ tình hình căng thẳng kéo dài giữa Mỹ và Iran. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

Lợi nhuận thuần Q2/2026 tiếp tục chịu áp lực từ giá dầu diesel tăng cao, mặc dù doanh thu vẫn vững chắc. Chi tiết như sau:

Doanh thu thuần: Tăng 10% svck, với động lực từ doanh thu mảng dịch vụ

Doanh thu thuần Q2/2026 đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (+10% svck; +15% svqt). Trong đó, mảng dịch vụ là động lực tăng trưởng doanh thu chính khi đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (đóng góp 82% tổng doanh thu, +22% svck; +18% svqt), bù đắp cho mức giảm 24% so với cùng kỳ (dù có tăng nhẹ 2% so với quý trước) của mảng thương mại xuống còn 1 nghìn tỷ đồng (đóng góp 18% tổng doanh thu).

Doanh thu mảng dịch vụ chủ yếu đến từ các dịch vụ cốt lõi như chuyển phát và logistics, trong khi doanh thu thương mại đến từ các mặt hàng có giá trị gia tăng thấp như SIM điện thoại và văn phòng phẩm.

Doanh thu mảng dịch vụ tăng mạnh nhờ sản lượng cải thiện và việc VTP áp phụ phí nhiên liệu 10% nhằm bù đắp mức tăng đột biến của giá dầu diesel trong quý. Trong khi đó, doanh thu thương mại tiếp tục giảm do VTP chủ động thu hẹp quy mô mảng kinh doanh này.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, VTP

Lợi nhuận thuần Q2/26 giảm 25% so với cùng kỳ xuống 73 tỷ đồng (tganwg 87% so với quý trước)

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck	% d 202
Doanh thu thuần	4,981	5,472	9.8%	15.0%	10,023	10,230	2.1%	44.3%
Lợi nhuận gộp	277	295	6.4%	15.0%	542	551	1.8%	
Lợi nhuận tài chính	6	11	76.7%	278.9%	6	14	127.0%	
Chi phí BH&QL	-158	-206	30.2%	-1.1%	-334	-414	24.2%	
LNTT	126	93	-26.3%	79.0%	214	145	-32.6%	
Lợi nhuận thuần	97	73	-25.0%	86.6%	166	112	-32.8%	27.6%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	5.6%	5.4%			5.4%	5.4%		
Chi phí BH&QL/DT	-3.2%	-3.8%			-3.3%	-4.0%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	1.9%	1.3%			1.7%	1.1%		

Source: VTP, HSC Research

Theo đó, doanh thu thuần nửa đầu năm 2026 tăng 2% so với cùng kỳ đạt 10,2 nghìn tỷ đồng, nhờ doanh thu dịch vụ tăng 17% so với cùng kỳ đạt 8,2 nghìn tỷ đồng (đóng góp 81% vào tổng doanh thu thuần), bù trừ cho mức sụt giảm 33% so với cùng kỳ xuống 2 nghìn tỷ đồng của doanh thu thương mại (đóng góp 19% vào tổng doanh thu).

Tỷ suất lợi nhuận gộp: thu hẹp do chi phí nhiên liệu tăng cao

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2026 thu hẹp xuống 5,4% (từ 5,6% trong Q2/2025 và đi ngang so với quý trước). Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng dịch vụ giảm xuống 5,9% (từ mức 7,1% trong Q2/2025 và 6,7% trong Q1/2026), nhưng được bù đắp nhờ sự cải thiện của tỷ suất lợi nhuận gộp mảng thương mại.

Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng dịch vụ thu hẹp do giá dầu diesel neo ở mức cao, trong khi phụ phí nhiên liệu chỉ bù đắp được một phần chi phí tăng thêm.

Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đi ngang so với cùng kỳ ở mức 5,4%, với tỷ suất lợi nhuận gộp mảng dịch vụ thu hẹp 1,2 điểm phần trăm xuống còn 6,3% nhưng được bù đắp bằng sự cải thiện của mảng thương mại.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần trong 6 tháng đầu năm 2026 lần lượt hoàn thành 44% và 28% dự báo cho cả năm của HSC. Trước đây, HSC kỳ vọng giá dầu sẽ hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2026 khi tình hình căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran lắng xuống. Tuy nhiên, do tình hình có vẻ diễn biến phức tạp với rủi ro leo thang trở lại, chúng tôi nhận thấy có rủi ro lợi nhuận và định giá thấp hơn dự báo cho nửa cuối năm 2026.

Do đó, chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, giá mục tiêu và khuyến nghị. Sau khi giá cổ phiếu giảm 11% trong 1 tháng qua, VTP đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 14,5 lần, thấp hơn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 17 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu , VTP

Doanh thu thuần Q2/2026 tăng 10% so với cùng kỳ lên 5,5 tỷ đồng, nhờ doanh thu mảng dịch vụ tăng trưởng 22% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck
Tổng doanh thu thuần	4,981	4,758	5,472	9.8%	15.0%	10,023	10,230	2.1%
Dịch vụ	3,668	3,779	4,467	21.8%	18.2%	7,043	8,246	17.1%
Thương mại	1,313	980	1,004	-23.5%	2.5%	2,980	1,984	-33.4%
Tỷ trọng								
Dịch vụ	73.6%	79.4%	81.6%			70.3%	80.6%	
Thương mại	26.4%	20.6%	18.4%			29.7%	19.4%	

Nguồn: VTP, HSC

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, VTP

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/26 thu hẹp xuống 5,9% do chi phí nhiên liệu tăng

	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck (điểm phần trăm)	svqt (điểm phần trăm)	6T25	6T26	svck (điểm phần trăm)
Lợi nhuận gộp của VTP	5.6%	5.4%	5.4%	-0.2	0.0	5.4%	5.4%	0.0
Dịch vụ	7.1%	6.7%	5.9%	-1.2	-0.7	7.4%	6.3%	-1.2
Thương mại	1.2%	0.5%	2.9%	1.7	2.4	0.6%	1.7%	1.1

Nguồn: VTP, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	20,735	20,847	23,083	25,343	28,262
Lợi nhuận gộp	1,005	1,137	1,239	1,483	1,736
Chi phí BH&QL	(554)	(639)	(710)	(799)	(912)
Thu nhập khác	1.43	10.6	1.57	1.71	1.90
Chi phí khác	(0.85)	(16.3)	(0.94)	(1.02)	(1.13)
EBIT	452	493	530	684	825
Lãi vay thuần	31.2	21.5	(18.7)	(65.8)	(93.6)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	483	514	511	619	731
Chi phí thuế TNDN	(100)	(110)	(106)	(128)	(152)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	383	405	405	490	580
Lợi nhuận thuần ĐC	248	303	304	368	435
EBITDA ĐC	450	581	689	863	1,046
EPS (đồng)	2,680	2,833	2,834	3,431	4,056
EPS ĐC (đồng)	1,737	2,122	2,125	2,573	3,042
DPS (đồng)	921	1,278	1,278	1,704	2,130
Slg CP bình quân (triệu đv)	143	143	188	203	203
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	143	143	203	203	203
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	143	143	203	203	203

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	390	350	1,006	874	592
Đầu tư ngắn hạn	1,430	2,093	1,847	2,027	2,261
Phải thu khách hàng	2,157	2,663	2,885	3,168	3,533
Hàng tồn kho	279	153	185	203	226
Các tài sản ngắn hạn khác	472	441	462	507	565
Tổng tài sản ngắn hạn	4,728	5,698	6,384	6,779	7,177
TSCĐ hữu hình	691	989	1,628	1,976	2,309
TSCĐ vô hình	53.7	72.9	65.8	58.3	50.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	75.0	41.6	46.0	50.6	56.4
Đầu tư vào Cty LD,LK	30.0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	785	727	847	930	1,037
Tổng tài sản dài hạn	1,635	1,831	2,587	3,015	3,453
Tổng cộng tài sản	6,364	7,529	8,971	9,794	10,631
Nợ ngắn hạn	1,376	1,364	1,500	1,647	1,696
Phải trả người bán	661	857	923	1,014	1,130
Nợ ngắn hạn khác	2,513	2,818	3,159	3,465	3,860
Tổng nợ ngắn hạn	4,676	5,238	5,785	6,331	6,895
Nợ dài hạn	72.5	487	823	1,073	1,339
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	26.5	35.9	39.8	43.7	48.7
Tổng nợ dài hạn	99.0	523	863	1,117	1,387
Tổng nợ phải trả	4,775	5,761	6,647	7,448	8,282
Vốn chủ sở hữu	1,588	1,768	2,324	2,346	2,348
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,588	1,768	2,324	2,346	2,348
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,364	7,529	8,971	9,794	10,631
BVPS (đ)	11,114	12,372	11,451	11,559	11,571
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,058	1,501	1,318	1,846	2,442

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	452	493	530	684	825
Khấu hao	(133)	(189)	(261)	(301)	(366)
Lãi vay thuần	31.2	21.5	(18.7)	(65.8)	(93.6)
Thuế TNDN đã nộp	(127)	(104)	(106)	(128)	(152)
Thay đổi vốn lưu động	(407)	427	(189)	(210)	(271)
Khác	(129)	(172)	569	83.1	107
LCT thuần từ HKKD	(131)	759	945	542	637
Đầu tư TS dài hạn	(374)	(530)	(893)	(641)	(692)
Góp vốn & đầu tư	(1,124)	(2,814)	0	0	0
Thanh lý	1,435	2,182	0	0	0
Khác	130	90.8	(125)	(87.5)	(113)
LCT thuần từ HĐĐT	68.2	(1,072)	(1,017)	(728)	(805)
Cổ tức trả cho CSH	(180)	(132)	(259)	(346)	(432)
Thu từ phát hành CP	0	0	511	0	0
Tăng/giảm nợ	(263)	403	472	397	314
Khác	0	0	3.85	3.89	5.03
LCT thuần từ HĐTC	(443)	271	728	55.2	(114)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	-	-	-	-	-
LCT thuần trong kỳ	(506)	(41.8)	656	(132)	(282)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.92	2.10	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	(505)	(39.7)	656	(132)	(282)
Dòng tiền tự do	(505)	228	52.0	(99.3)	(55.1)

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	4.85	5.46	5.37	5.85	6.14
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.17	2.79	2.99	3.40	3.70
Tỷ suất LNT (%)	1.85	1.94	1.75	1.93	2.05
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.7	21.3	20.7	20.7	20.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	5.86	0.54	10.7	9.79	11.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	30.9	28.9	18.7	25.2	21.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	7.27	22.2	0.14	21.1	18.2
Tăng trưởng EPS (%)	0.05	5.70	0.02	21.1	18.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	7.27	22.2	0.14	21.1	18.2
Tăng trưởng DPS (%)	(27.9)	38.8	0	33.3	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.4	45.1	45.1	49.7	52.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	24.1	24.1	19.8	21.0	24.7
ROACE (%)	27.2	24.8	19.3	20.6	22.9
Vòng quay tài sản (lần)	3.24	3.00	2.80	2.70	2.77
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.29)	1.54	1.78	0.79	0.77
Số ngày tồn kho	5.17	2.83	3.09	3.10	3.11
Số ngày phải thu	39.9	49.3	48.2	48.5	48.6
Số ngày phải trả	12.2	15.9	15.4	15.5	15.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	66.9	86.6	58.1	80.2	106
Nợ/tài sản (%)	22.8	25.0	26.3	28.1	28.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	28.3	10.4	8.81
Nợ/EBITDA (lần)	2.48	2.76	2.98	2.80	2.58
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.01	1.09	1.10	1.07	1.04
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.38	0.39	0.47	0.45	0.42
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.3	14.2	15.8	13.2	11.5
P/E (lần)	17.5	16.6	16.6	13.7	11.6
P/E ĐC (lần)	27.1	22.1	22.1	18.3	15.5
P/B (lần)	4.23	3.80	4.10	4.07	4.06
Lợi suất cổ tức (%)	1.96	2.72	2.72	3.63	4.53

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn